

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 4 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Loan

2. Ông Nguyễn Kim Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2022/TL.ST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N

Địa chỉ: Ấp TT, xã NAA, huyện PD, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H

Địa chỉ: Ấp NP1, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2016. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì có nhiều mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do anh H làm ăn không bản bạc với chị, gây nợ nần nhiều, chị tự mình gánh vác gia đình. Đến nay chị thấy không thể gánh vác được nữa nên muốn ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Trần Thảo N (nữ) sinh ngày 09/4/2017, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N cho rằng hiện nay chị đang làm thuê cho công ty, thu nhập mỗi tháng 15.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là anh Nguyễn Hữu H trình bày như sau: Anh và chị Trần Thị N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2016. Quá trình chung sống hạnh phúc, anh buôn bán, vợ đi làm công ty. Tuy nhiên gần đây do anh làm ăn thất bại, nợ nần nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N anh không đồng ý, vì anh còn thương vợ. Anh và chị N hiện nay vẫn còn sống chung với nhau.

Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Trần Thảo N (nữ) sinh ngày 09/4/2017, con hiện sống cùng vợ chồng anh, nếu tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh buôn bán gà thịt, mỗi ngày thu nhập khoảng 200.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H, giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Hữu H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thảo N (nữ) sinh ngày 09/4/2017 cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Hữu H do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H, do anh H có địa chỉ thường trú tại ấp NP1, xã NNA, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét

xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa chị N và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N là do anh H làm ăn không bản bạc với chị, gây nợ nần, anh H thì cho rằng do anh làm ăn thất bại nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đối với yêu cầu ly hôn của chị N, anh H không đồng ý. Quá trình tố tụng Thẩm phán đã động viên, hòa giải cho hai bên hàn gắn nhưng không thành, tại phiên tòa chị N và anh H vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đã được động viên nhưng vẫn cương quyết ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn nhưng không đến dự phiên tòa để đưa ra giải pháp hàn gắn nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận cho chị N ly hôn với anh H.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung, tên Nguyễn Trần Thảo N (nữ) sinh ngày 09/4/2017. Sau khi ly hôn, chị N và anh H đều yêu cầu được nuôi con chung.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng: Chị N hiện tại đang làm việc tại Công ty TNHH Thủy Sản Quang Minh, có công việc và thu nhập ổn định. Anh H hiện đang buôn bán gà, bản thân anh xác định vẫn còn nợ nần chưa trả xong. Cháu N lại là nữ nên Hội đồng xét xử thấy để cháu N sống với mẹ sẽ phù hợp hơn về mặt tâm, sinh lý vì mẹ cũng là phụ nữ, thấu hiểu và gần gũi với con gái hơn, đảm bảo cho sự phát triển và trưởng thành của cháu N được tốt hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được nuôi dưỡng cháu N, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H. Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 13 tháng 5 năm 2016

của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp cho chị Trần Thị N và anh Nguyễn Hữu H không còn giá trị kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2022.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thảo N (nữ) sinh ngày 09/4/2017 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Nguyễn Hữu H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Hữu H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0011749 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Chị N đã nộp xong án phí).

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã NNA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chúc Linh